

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2016/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 04 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý mạng cáp viễn thông,
cáp truyền hình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 173/TTr-STTTT ngày 19/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý mạng cáp viễn thông, cáp truyền hình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đông Văn Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý mạng cáp viễn thông, cáp truyền hình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND
ngày 04/4/2016 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về quản lý mạng cáp viễn thông, cáp truyền hình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cơ quan hành chính nhà nước) thực hiện công tác quản lý, đảm bảo trật tự, an toàn và cảnh quan đô thị, môi trường.

b) Các chủ đầu tư, quản lý, xây dựng công trình mạng cáp (gọi tắt là doanh nghiệp) và các tổ chức, cá nhân thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông và xây dựng mới mạng cáp ngầm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

3. Quy định này không áp dụng trong các trường hợp khẩn cấp, đảm bảo an toàn thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và các trường hợp liên quan đến an ninh quốc gia; các tuyến cáp quang, cáp đồng thả biển hoặc đi ven thềm lục địa.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Mạng cáp ngoại vi viễn thông* là bộ phận của mạng lưới viễn thông chủ yếu nằm bên ngoài nhà trạm viễn thông, bao gồm tất cả các cáp viễn thông được treo nổi, chôn trực tiếp, đi trong cống bê, đi trong các đường hầm.

2. *Cáp viễn thông* là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (cáp truyền hình) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. *Cáp treo* là cáp viễn thông được chế tạo để lắp đặt trên hệ thống đường cột và các cấu trúc đỡ khác.

4. *Cáp thuê bao* là đoạn cáp viễn thông từ hộp cáp, hố cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đến thiết bị đầu cuối đặt trong nhà thuê bao. Cáp thuê bao còn gọi là cáp vào nhà thuê bao hay dây thuê bao.

5. *Đường hầm* là một kết cấu có hình dạng và kích thước khác nhau, đủ lớn

được đặt dưới mặt đất dùng để lắp đặt các công trình ngoại vi viễn thông và cả các trang thiết bị của nhiều ngành khác (điện lực; cấp thoát nước,...), nhân viên có thể đi lại trong đường hầm để lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các trang thiết bị được lắp đặt.

6. *Cột treo cáp* là cột bằng thép hoặc bê tông cốt thép dùng để treo cáp viễn thông.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý cáp viễn thông

1. Việc lập, phê duyệt, quy hoạch dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quản lý, khai thác cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông, quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan; đúng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

2. Khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông.

3. Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải đồng bộ với các công trình khác; mạng cáp viễn thông phải được ngầm hóa 100% tại các tuyến đường xây dựng mới trong khu đô thị, khu dân cư.

4. Bất kỳ một bộ phận nào của công trình hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông bị hư hỏng, không còn sử dụng hoặc ngưng sử dụng phải được tháo dỡ và thu hồi; cáp viễn thông phải được sắp xếp, thu gọn, chỉnh trang và ngầm hóa.

5. Cáp viễn thông phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Công Thương - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

6. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đi ngầm cáp viễn thông được hỗ trợ ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 4. Các hành vi bị cấm

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định 72/2012/NĐ-CP):

1. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không tuân thủ quy hoạch đô thị; không đúng giấy phép xây dựng hoặc không có giấy phép xây dựng theo quy định.

2. Lắp đặt đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không theo quy định.

3. Cản trở việc tham gia sử dụng chung theo quy định của Nghị định 72/2012/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Vi phạm quy định về quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Các hành vi vi phạm tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương II

YÊU CẦU KỸ THUẬT CÁP VIỄN THÔNG VÀ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐI CÁP VIỄN THÔNG

Điều 5. Điều kiện sử dụng cáp treo

1. Các trường hợp được sử dụng cáp treo:

a) Khu vực không còn khả năng đi cáp ngầm trong các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm tại khu vực đô thị.

b) Khu vực các tuyến đường liên ấp, liên xã tại khu vực nông thôn; vùng sâu, vùng xa, cù lao.

c) Khu vực địa chất không phù hợp để đi cáp ngầm.

d) Khu vực chưa có quy hoạch đô thị, chưa có khu dân cư, chưa có đường giao thông.

đ) Khu vực dọc các tuyến đường chưa có quy hoạch ổn định, chưa xác định được các mốc lộ giới của đường bộ.

e) Khu vực dùng để cung cấp dịch vụ tạm thời.

2. Các trường hợp không được sử dụng cáp treo:

a) Tổng số cáp của một doanh nghiệp hoặc một tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh treo cáp trên một tuyến vượt quá 4 cáp.

b) Cáp vượt qua đường giao thông có độ rộng lớn hơn 70m và các tuyến đường trọng điểm theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

Điều 6. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp treo

Ngoài những quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (gọi tắt là *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT*), công trình cáp treo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Không dựng cột treo cáp mới đối với các tuyến đường hiện có cột treo cáp, trừ trường hợp cột treo cáp trên các tuyến đường đó không có khả năng để treo thêm cáp. Trên mỗi cột treo cáp, mỗi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (chủ sở hữu cáp) không treo nhiều hơn 01 tủ/hộp cáp và không được quấn cáp xung quanh thân cột.

2. Cáp dự phòng có chiều dài tối đa không quá 10m, được quấn thành đường tròn (đường kính nhỏ hơn 0,6m) đưa vào mặt sau của cột và được cố định chắc chắn vào thân cột, điểm thấp nhất của vòng tròn cáp dự phòng cách mặt đất tối thiểu là 3m. Khoảng cách giữa 02 vòng tròn cáp dự phòng của một chủ sở hữu cáp tối thiểu 200m.

3. Cáp viễn thông phải gắn thẻ nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Công Thương - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Khi treo mới, treo thêm cáp viễn thông trên hệ thống hiện có thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp và trên các tuyến đường đã sắp xếp, thu gọn, chỉnh trang thì phải bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật của tuyến cáp treo và phải bó vào tuyến cáp đã được sắp xếp, thu gọn.

Hệ thống cáp viễn thông hiện hữu treo móc trên cột chưa phù hợp kỹ thuật, an toàn thì đơn vị sử dụng chung cột treo cáp phải khắc phục hoàn thiện theo Quy định này và theo hướng dẫn của đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp.

5. Trước khi treo thêm cáp viễn thông (trừ cáp thuê bao) trên hệ thống cột hiện có thì tổ chức, cá nhân phải báo cáo bằng văn bản và gửi kèm bản vẽ thiết kế tuyến cáp đến Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sở hữu cột treo cáp.

6. Cáp viễn thông treo trên cột điện của ngành điện không được vượt quá kết cấu chịu lực của cột điện, phải đảm bảo an toàn điện trong quá trình vận hành cung cấp điện.

7. Cáp vượt qua đường bộ, qua cầu, qua sông phải đảm bảo tĩnh không theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 36/2012/TT-BGTVT ngày 13/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa; trên sợi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất phải treo biển báo độ cao.

Điều 7. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm

Cáp trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm phải tuân thủ các quy định kỹ thuật tại các điểm 2.2, 2.3, 2.4 Khoản 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT; cáp phải gắn thẻ nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Công Thương - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật đối với tủ/ hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu

Tuân thủ theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT và phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu lắp trên cột phải bố trí ở mặt sau cột (*nhìn từ đường vào*), được cố định chắc chắn vào thân cột bằng đai chống rỉ; điểm thấp nhất của tủ/hộp cáp so với mặt đất không nhỏ hơn 02m. Không lắp bệ ghé kiểm tra tủ/hộp cáp.

2. Cáp vào, cáp ra tại vị trí các tủ/hộp cáp đều phải được luồn trong ống nhựa, đi song song thân cột và phải cố định chắc chắn bằng đai chống rỉ vào thân cột.

3. Việc lắp đặt các thiết bị tủ cáp, hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu trên công trình công cộng phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tính thẩm mỹ và được đồng ý của tổ chức, cá nhân là chủ quản công trình đó.

4. Không treo tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu, cáp dự phòng trên cột điện chiếu sáng, cây xanh, cột có lắp các thiết bị điện (trạm biến áp, thiết bị đóng cắt, tụ bù,...).

Điều 9. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp thuê bao

1. Tuân thủ quy định tại điểm 2.6 Khoản 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 3:2011/BTTTT.

2. Cáp thuê bao phải kéo thẳng, bó gọn và không để dự phòng trên cột. Độ dài cáp thuê bao không quá 300m (tại khu vực các phường của thành phố Trà Vinh, các trung tâm huyện, thị xã, thị trấn), các khu vực còn lại có thể dài hơn 300m, nhưng phải đảm bảo độ suy hao tín hiệu trên đường dây trong phạm vi cho phép của doanh nghiệp.

3. Mỗi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (chủ sở hữu cáp) được phép đi không quá 05 cáp thuê bao riêng lẻ trên cùng một tuyến, nếu vượt quá 05 cáp thuê bao riêng lẻ trên cùng một tuyến phải thay các sợi cáp thuê bao này bằng sợi cáp có dung lượng lớn hơn (*nhiều đôi*).

Điều 10. Yêu cầu tiếp đất và chống sét

Cáp viễn thông và tất cả các thành phần khác thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông đều phải tiếp đất chống sét theo quy định tại các tiết: 2.1.5, 2.2.5, 2.3.4, 2.4.5, 2.5.4, 2.6.4 Khoản 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT. Dây nối đất phải được đặt trong ống nhựa bảo vệ và cố định vào thân cột.

Chương III

DÙNG CHUNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐI CÁP VIỄN THÔNG

Điều 11. Nguyên tắc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông

Chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có sử dụng hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông để thực hiện việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông theo nguyên tắc đảm bảo công bằng, hợp lý về quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên tham gia; sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông. Việc tham gia sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải được sự thỏa thuận bằng văn bản của chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung hoặc hợp đồng thuê (*nếu có*) của hai bên.

2. Việc lắp đặt thêm các đường dây cáp, thiết bị vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải đảm bảo sự hoạt động bình thường của hệ thống hiện có.

3. Trong các trường hợp cụ thể nhằm đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo mỹ quan đô thị, quy hoạch đô thị và một số trường hợp khác thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ

quyết định việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật.

4. Giá thuê sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông (đối với công trình đầu tư ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước) do các bên tự thỏa thuận trên cơ sở quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các khung giá khác liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung

1. Căn cứ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và các quy hoạch khác, hàng năm, lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung gửi Sở Thông tin và Truyền thông - cơ quan đầu mối hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có sử dụng hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông để phối hợp thực hiện việc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng mới.

2. Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung giá thuê hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung (đối với công trình được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước), tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung.

3. Ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông theo thẩm quyền.

4. Tuân thủ quy định về quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Nghị định 72/2012/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

5. Định kỳ 03 tháng, thực hiện kiểm tra, đánh giá và thông báo tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức, cá nhân có sử dụng hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung.

6. Xây dựng, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; định kỳ 06 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 13. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông

1. Cung cấp thông tin có liên quan về đường dây cáp, thiết bị được lắp đặt chung công trình sử dụng chung cho chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để phối hợp.

2. Thông báo kịp thời cho chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành khi phát hiện các hiện tượng bất thường có thể gây ra sự cố, đồng thời phải có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia xử lý sự cố.

3. Phối hợp với chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các đơn vị có liên quan khác thực hiện việc tháo dỡ, di chuyển ra khỏi công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung các đường dây cáp, thiết bị

cần nâng cấp, thiết bị hư hỏng cần thay thế và các thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn.

4. Khi lắp đặt thêm các thiết bị vào hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được sự đồng ý của chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

5. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính, kỹ thuật đã cam kết trong hợp đồng dùng chung đã ký kết (nếu có).

Chương IV

CẤP PHÉP, ĐIỀU KIỆN THI CÔNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐI CẤP VIỄN THÔNG

Điều 14. Điều kiện thi công công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về xây dựng; trừ các trường hợp được miễn giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ;

Đối với những mạng cáp nằm trong hành lang đường bộ, hành lang đê điều, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch,...; sử dụng hạ tầng kỹ thuật dùng chung, hạ tầng điện lực, mạng viễn thông của doanh nghiệp khác phải được cơ quan quản lý chuyên ngành thỏa thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, mở rộng mạng lưới.

2. Các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương V

HẠ NGÀM, CHỈNH TRANG CÁP VIỄN THÔNG VÀ XỬ LÝ SỰ CỐ

Điều 15. Hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch khi được phê duyệt.

Điều 16. Xử lý sự cố mạng ngoại vi viễn thông bị hư hỏng

1. Khi cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông và các thiết bị phụ trợ bị sự cố thì chủ sở hữu phải bố trí lực lượng để kịp thời xử lý nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin được thông suốt; đồng thời, báo cho Sở Thông tin và Truyền thông biết, phối hợp xử lý.

2. Khi cột treo cáp viễn thông bị nghiêng hoặc bị gãy thì các đơn vị có cáp đi treo trên cột phải có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu cột để gia cố, chỉnh sửa

hoặc dựng cột mới.

3. Các đơn vị có công trình kỹ thuật đi cáp viễn thông và các đơn vị sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải thiết lập đường dây nóng với nhau, cung cấp các số điện thoại để thông tin, liên lạc. Khi có sự cố hoặc có tình huống khẩn cấp, trong thời gian 02 giờ, các bên phải phối hợp khắc phục ngay.

Chương VI

TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Xác nhận sự phù hợp quy hoạch mạng, quy hoạch phát triển ngành, kiểm tra, giám sát việc xây dựng mạng cáp của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng trong việc tổ chức hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đi cáp viễn thông.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường hợp tác, dùng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống công, bể để ngầm hóa mạng cáp treo trên nguyên tắc đàm phán cùng có lợi;

Thu hồi các trang thiết bị có liên quan của mạng cáp viễn thông: Tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu, cột treo cáp không xác định được chủ sở hữu. Xử lý các trường hợp: Sự cố cáp viễn thông gây ảnh hưởng đến tổ chức cá nhân; các đơn vị không thực hiện việc triển khai sắp xếp, thu gọn, chỉnh trang và ngầm hóa đúng theo quy định; cáp treo bị đứt, gây mất an toàn giao thông, mỹ quan đô thị và các công trình cáp viễn thông xây dựng sai quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

d) Kêu gọi các tổ chức, cá nhân đủ năng lực tham gia xã hội hóa việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đi cáp viễn thông để sử dụng chung theo quy định của pháp luật.

đ) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và danh mục các tuyến đường cần phải sắp xếp, thu gọn, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông; chủ trì thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp, thu gọn, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông và thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thanh, kiểm tra và xử phạt các hành vi vi phạm trong đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác công trình mạng cáp và hạ tầng kỹ thuật mạng cáp trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

2. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. Hướng dẫn đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn

thông thụ động vào các đề án quy hoạch xây dựng tại các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế.

3. Sở Công Thương: Kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo Công ty Điện lực Trà Vinh tăng cường quản lý các tuyến cột điện lực và sắp xếp, thu gọn chỉnh trang lại các đường dây thông tin và cáp điện lực đi chung cột, theo quy chuẩn kỹ thuật điện và các quy định khác có liên quan.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng tổ chức hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và những nội dung có liên quan quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các khung giá khác liên quan.

5. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan có liên quan, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc cấp giấy phép xây dựng, sửa chữa mạng cáp theo thẩm quyền quản lý; đồng thời, quản lý sau cấp phép;

Khi quy hoạch xây dựng các công trình, dự án hoặc cải tạo, chỉnh trang trên các tuyến đường, khu vực nằm trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị có liên quan để kết hợp việc triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm hóa đồng bộ.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc kiểm tra, giám sát trong quá trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

b) Chỉ đạo giải quyết, kịp thời xử lý vi phạm đối với các trường hợp cố tình cản trở, gây rối, phá hoại việc xây dựng và khai thác sử dụng hạ tầng kỹ thuật thụ động trên địa bàn quản lý theo quy định pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý doanh nghiệp vi phạm các quy định về xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp, mạng cáp treo thuộc địa bàn quản lý.

d) Định kỳ 06 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra giấy phép xây dựng trên địa bàn; lập biên bản, xử lý vi phạm theo quy định đối với doanh nghiệp thi công không có giấy phép hoặc thi công không đúng nội dung của giấy phép đã được cấp; đối với những vi phạm vượt thẩm quyền, phải kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai thực hiện xây dựng mạng cáp ngầm; cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp trên địa bàn.

c) Chỉ đạo giải quyết, kịp thời xử lý vi phạm đối với các trường hợp cố tình cản trở, gây rối, phá hoại việc xây dựng và khai thác sử dụng hạ tầng kỹ thuật mạng lưới thông tin thụ động trên địa bàn theo quy định pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ sở hữu các công trình có liên quan mạng cáp viễn thông

1. Công ty Điện lực Trà Vinh:

a) Lập hồ sơ quản lý việc treo cáp viễn thông trên hệ thống cột điện. Có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý các tuyến cột điện có treo cáp viễn thông gồm các nội dung: Đơn vị thuê cột điện; chủng loại và số lượng từng loại cáp treo trên cột điện; điểm đầu - điểm cuối của tuyến cáp viễn thông; số và ngày ký hợp đồng thuê cột điện (nếu có).

b) Kiểm tra, tính toán kết cấu móng trụ và khả năng chịu lực của cột điện và tải trọng an toàn của cột điện trước khi tiến hành làm thủ tục cho treo cáp viễn thông.

c) Phối hợp kiểm tra các tuyến cáp viễn thông theo định kỳ để cập nhật các thông tin về tình trạng vận hành và số lượng cáp viễn thông phát sinh mới treo trên cột điện lực, báo cáo về cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động điện lực, cáp viễn thông.

Kiểm tra các tuyến cáp viễn thông để cập nhật các thông tin: Tình trạng hiện tại (độ võng, tính thẩm mỹ, bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho người dân) của tuyến cáp treo trên cột điện; số lượng cáp viễn thông phát sinh treo trên cột điện và báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị có liên quan, địa phương và chủ sở hữu công trình cáp viễn thông thực hiện việc sắp xếp, thu gọn chỉnh trang, ngầm hóa và xử lý các sự cố về cáp viễn thông.

2. Các đơn vị chủ sở hữu cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông:

a) Đầu tư, xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, thu gọn và ngầm hóa mạng cáp và hạ tầng kỹ thuật đi cáp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quy định này và các quy định khác có liên quan.

b) Tăng cường đầu tư, xây dựng, sử dụng chung hệ thống cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, nêu tuyến, hướng của hệ thống cáp viễn thông giống nhau.

c) Căn cứ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hàng năm, doanh nghiệp lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa và xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật mạng cáp trên địa bàn tỉnh gửi Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn thực hiện.

d) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa các tuyến cáp viễn thông theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Bố trí nhân lực, phương tiện, công cụ và kinh phí cho việc sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông.

e) Định kỳ 06 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 19. Xử lý vi phạm

1. Cáp treo và các thành phần có liên quan công trình cáp treo không sử dụng, không xác định được chủ sở hữu, xây dựng sai quy định hoặc không được triển khai sắp xếp, chỉnh trang, thu gọn và ngầm hóa đúng thời gian sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

2. Thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các cấp xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Quyết định này nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn có thay đổi, điều chỉnh, bổ sung thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Các nội dung khác liên quan đến quản lý mạng cáp viễn thông, cáp truyền hình chưa được quy định trong quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 và Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đông Văn Lâm